

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com  
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI  
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN  
PHÒNG ĐÀO TẠO**

**ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XCD**

**TÊN HỌC PHẦN: VẼ KỸ THUẬT**

**HỌC KỲ 2**

**MÃ HỌC PHẦN: CIE - 111**

**TÍN CHỈ 2**

Ngày thi: 31/03/2011

**LẦN THI 1**

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
				15			15		15			55	100		
1	151214579	NGUYỄN NGỌC THOAN	K16XCD1	4			7		4			3	0.0	Kháng	
2	151214594	HỒ MINH ĐẠT	K16XCD1	4			4		5			4	4.2	Bất cập Hai	
3	151216091	ĐỖ ĐỨC VƯƠNG	K16XCD1	0			0		0			HP	0.0	Kháng	
4	151324930	NGUYỄN QUANG VINH	K16XCD1	0			0		0			HP	0.0	Kháng	
5	151445310	HỒ THỊ KIM NGÂN	K16XCD1	10			9		8			6	7.4	Bất cập Bất	
6	161156390	LÊ VIỆT NY	K16XCD1	4			6		6			5	5.2	Nằm bất cập Hai	
7	161215087	LÊ THANH BÌNH	K16XCD1	0			0		0			HP	0.0	Kháng	
8	161215090	TRƯƠNG VĂN CHÂU	K16XCD1	10			8		7			4	6.0	Sầu	
9	161215094	HỒ VĂN ĐẠI	K16XCD1	10			7		7			7.5	7.7	Bất cập Bất	
10	161215098	NGUYỄN ĐẠT	K16XCD1	8			10		7			3	0.0	Kháng	
11	161215104	TRẦN MẠNH ĐỨC	K16XCD1	0			5		7			7	5.7	Nằm bất cập Bất	
12	161215108	NGÔ HOÀNG DUY	K16XCD1	0			5		6			4	3.9	Ba bất cập Chèn	
13	161215110	PHẠM GIANG	K16XCD1	4			1		5			5.5	4.5	Bất cập Nằm	
14	161215111	HOÀNG HẢI	K16XCD1	4			6		6			5	5.2	Nằm bất cập Hai	
15	161215118	NGUYỄN NGỌC HIẾU	K16XCD1	4			7		6			8	7.0	Bất cập	
16	161215120	LÊ NGỌC HOÀNG	K16XCD1	4			5		9			8	7.1	Bất cập Mất	
17	161215122	BÙI NGỌC HOÀNG	K16XCD1	2			4		6			7.5	5.9	Nằm bất cập Chèn	
18	161215132	PHAN QUANG HUY	K16XCD1	2			6		6			5	4.9	Bất cập Chèn	
19	161215133	HÀ QUỐC KHÁNH	K16XCD1	10			9		6			2	0.0	Kháng	
20	161215141	NGUYỄN VĂN LONG	K16XCD1	6			7		7			5	5.8	Nằm bất cập Tâm	
21	161215144	NGUYỄN THỊ MAI LY	K16XCD1	10			10		7			6.5	7.6	Bất cập Sầu	
22	161215146	ĐOÀN THANH NAM	K16XCD1	2			5		4			HP	0.0	Kháng	
23	161215151	PHẠM HỒNG NHÂN	K16XCD1	2			10		7			8	7.3	Bất cập Ba	
24	161215156	NGUYỄN QUỐC PHƯỚC	K16XCD1	2			5		6			3	0.0	Kháng	
25	161215165	PHẠM ANH QUỐC	K16XCD1	0			0		0			HP	0.0	Kháng	
26	161215168	PHẠM PHÚC QUỲNH	K16XCD1	6			7		5			6	6.0	Sầu	
27	161215173	TRẦN VĂN TÀI	K16XCD1	4			7		6			4	4.8	Bất cập Tâm	
28	161215179	NGUYỄN MẠNH THẮNG	K16XCD1	8			2		5			3	0.0	Kháng	
29	161215194	ĐOÀN VĂN TIỀN	K16XCD1	0			0		0			HP	0.0	Kháng	
30	161215197	BẠCH VĂN TRÍ	K16XCD1	8			8		6			5	6.1	Sầu bất cập Mất	
31	161215203	NGÔ VĂN TUẤN	K16XCD1	8			6		4			3.5	0.0	Kháng	
32	161215206	PHAN HÒ QUỐC TUẤN	K16XCD1	6			8		5			5	5.6	Nằm bất cập Sầu	
33	161215211	NGUYỄN VĂN TÙNG	K16XCD1	0			0		0			HP	0.0	Kháng	
34	161216462	NGÔ QUỐC ĐẠT	K16XCD1	10			10		8			8	8.6	Tâm bất cập Sầu	
35	161216464	NGUYỄN VĂN TRIỀU	K16XCD1	8			8		6			5	6.1	Sầu bất cập Mất	
36	161216564	ĐỖ THỊ THÚY TIỀN	K16XCD1	10			9		8			4.5	6.5	Sầu bất cập Nằm	
37	161216731	TRỊNH XUÂN TRƯỜNG	K16XCD1	2			6		4			3	0.0	Kháng	
38	161216790	VÕ ĐỨC NĂM	K16XCD1	2			6		5			HP	0.0	Kháng	
39	161216791	PHẠM NGỌC THẠCH	K16XCD1	10			10		9			6	7.7	Bất cập Bất	
40	161217068	ĐẶNG BẢO KHIẾT	K16XCD1	2			6		4			3	0.0	Kháng	
41	161217122	ĐỖ TRỌNG HÙNG	K16XCD1	8			9		8			7.5	7.9	Bất cập Chèn	
42	161217123	LÊ MẠNH LINH	K16XCD1	8			9		9			9.5	9.1	Chèn bất cập Mất	
43	161217124	VÕ MINH NGỌC	K16XCD1	6			10		8			9	8.6	Tâm bất cập Sầu	
44	161217210	NGUYỄN PHÙNG MINH HUY	K16XCD1	2			3		6			8	6.1	Sầu bất cập Mất	
45	161217213	ĐOÀN NGỌC THUẬN	K16XCD1	4			0		5			HP	0.0	Kháng	
46	161217216	NGUYỄN VIỆT VŨ	K16XCD1	2			7		6			2	0.0	Kháng	

Ngày thi: 31/03/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)							ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú			
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F		SỐ	CHỮ	
				15			15		15			55		100		
47	161217288	VÕ BÁ QUÂN	K16XCD1	2			6		4			HP	0.0	Kháng		
48	161217314	TRẦN VĂN THƯƠNG	K16XCD1	10			8		8				6	7.2	Bại pháp Hai	
49	161217327	ĐÀO TÂN DŨNG	K16XCD1	4			8		7				5	5.6	Nằm pháp Sáu	
50	161217329	NGUYỄN CHÂU THÀNH	K16XCD1	2			8		7			HP	0.0	Kháng		
51	161217381	NGUYỄN TUẤN ANH	K16XCD1	0			0		0			HP	0.0	Kháng		
52	161217384	PHẠM TÂN TRUNG	K16XCD1	2			6		5				4	4.2	Bất pháp Hai	
53	161217385	VŨ CHÍ TRUNG	K16XCD1	8			8		7				8.5	8.1	Tam pháp Mất	
54	161217484	HUỶNH DUY PHƯƠNG	K16XCD1	6			5		5				2	0.0	Kháng	
55	161217594	PHAN VĂN NHẤT	K16XCD1	8			9		8				4	6.0	Sáu	
56	161325816	NGUYỄN QUỐC VIỆT	K16XCD1	0			0		0			HP	0.0	Kháng		
57	162257255	TRẦN THANH HÙNG	K16XCD1	8			5		5				3	0.0	Kháng	
58	162257349	PHAN NGỌC CƯỜNG	K16XCD1	4			6		4				4	4.3	Bất pháp Ba	
59	161135889	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	K16XCD2	10			8		6				5	6.4	Sáu pháp Bất	
60	161156424	NGÔ TÂN VŨ	K16XCD2	7			7		7				8	7.6	Bại pháp Sáu	
61	161156492	MAI VĂN NAM	K16XCD2	0			0		0			HP	0.0	Kháng		
62	161215080	TRẦN HÙNG ANH	K16XCD2	7			8		7				6	6.6	Sáu pháp Sáu	
63	161215093	NGUYỄN ĐÔNG DẮC	K16XCD2	10			10		8				6	7.5	Bại pháp Năm	
64	161215095	TRẦN NHẤT ĐẠO	K16XCD2	0			0		0			HP	0.0	Kháng		
65	161215097	TRỊNH QUỐC ĐẠT	K16XCD2	6			5		7				8	7.1	Bại pháp Mất.	
66	161215103	TRƯƠNG ĐỨC ĐỨC	K16XCD2	3			8		7				7.5	6.8	Sáu pháp Tam	
67	161215105	NGUYỄN HỮU ĐỨC	K16XCD2	10			7		7				2	0.0	Kháng	
68	161215116	HÀ ĐẠI HIỆP	K16XCD2	3			0		0			HP	0.0	Kháng		
69	161215119	HÀ HUY HOÀNG	K16XCD2	10			10		6				7.5	8.0	Tam	
70	161215126	HUỶNH KIM HÙNG	K16XCD2	3			8		7				3	0.0	Kháng	
71	161215128	ĐỖ THỊNH HÙNG	K16XCD2	5			7		7				4	5.1	Nằm pháp Mất	
72	161215130	HỒ BẢO HUY	K16XCD2	6			8		7				4	5.4	Nằm pháp Bất	
73	161215131	TRẦN QUỐC HUY	K16XCD2	9			8		5				3	0.0	Kháng	
74	161215135	NGUYỄN HỮU KHÁNH	K16XCD2	7			8		0				4	4.5	Bất pháp Năm	
75	161215137	LÊ ANH KHOA	K16XCD2	10			8		7				7.5	7.9	Bại pháp Chèn	
76	161215139	TRẦN VŨ LINH	K16XCD2	6			9		5				4	5.2	Nằm pháp Hai	
77	161215143	NGUYỄN ĐÌNH LONG	K16XCD2	10			8		6				8.5	8.3	Tam pháp Ba	
78	161215148	NGUYỄN QUANG NGUYỄN	K16XCD2	10			8		6				3	0.0	Kháng	
79	161215150	TRẦN THANH NHÂN	K16XCD2	8			7		5			HP	0.0	Kháng		
80	161215159	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	K16XCD2	10			10		8				9	9.2	Chèn pháp Hai	
81	161215163	PHẠM HẢO QUANG	K16XCD2	2			0		6				6	4.5	Bất pháp Năm	
82	161215166	NGUYỄN MINH QUÝ	K16XCD2	0			0		0			HP	0.0	Kháng		
83	161215171	VÕ CÔNG SƠN	K16XCD2	6			7		7				7.5	7.1	Bại pháp Mất	
84	161215177	VÕ DUY THÁI	K16XCD2	8			6		6			HP	0.0	Kháng		
85	161215180	TRƯƠNG QUỐC THÀNH	K16XCD2	3			6		7				V	0.0	Kháng	
86	161215181	ĐẶNG CÔNG THÀNH	K16XCD2	10			8		7				3	0.0	Kháng	
87	161215191	HUỶNH VĂN TIẾN	K16XCD2	3			7		4				4	4.3	Bất pháp Ba	
88	161215196	HUỶNH DUY TRÍ	K16XCD2	10			10		7				8.5	8.7	Tam pháp Bại	
89	161215198	PHẠM TRẦN XUÂN TRUNG	K16XCD2	10			8		6				8.5	8.3	Tam pháp Ba	
90	161215200	PHẠM KHÁC TRƯỜNG	K16XCD2	2			6		3				2	0.0	Kháng	
91	161215204	NGUYỄN MINH TUẤN	K16XCD2	5			7		6				6	6.0	Sáu	
92	161215209	LÊ TUẤN	K16XCD2	10			9		8				9	9.0	Chèn	
93	161215210	HOÀNG NGỌC TÙNG	K16XCD2	9			10		8				9	9.0	Chèn	
94	161215213	PHẠM MINH TƯỜNG	K16XCD2	6			7		6				6	6.2	Sáu pháp Hai	
95	161216562	NGUYỄN TIẾN HUY	K16XCD2	4			8		6				7	6.6	Sáu pháp Sáu	
96	161216565	TRẦN THANH VƯƠNG	K16XCD2	9			10		7				7	7.8	Bại pháp Tam	
97	161216670	ĐÌNH QUANG CHỨC	K16XCD2	0			5		5				7	5.4	Nằm pháp Bất	

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ			
				15			15			15				55	100		
98	161216730	HUYỀNH NGÔ PHONG	K16XCD2	10			7			6				4	5.7	Năm <del>pháp</del> Bảy	
99	161216857	TRỊNH VĂN LỢI	K16XCD2	2			5			7				HP	0.0	Khăng	
100	161216888	NGUYỄN VĂN MINH	K16XCD2	8			8			6				6	6.6	Sau <del>pháp</del> Sáu	
101	161216914	LÊ ĐỨC TÍN	K16XCD2	3			8			5				4	4.6	Bất <del>pháp</del> Sáu	
102	161217067	HOÀNG MINH HẢI	K16XCD2	4			4			7				5.5	5.3	Năm <del>pháp</del> Ba	
103	161217121	TRƯƠNG HOÀNG TRỌI HIẾU	K16XCD2	9			8			8				4	6.0	Sáu	
104	161217126	VÕ THƯƠNG	K16XCD2	6			8			6				4.5	5.5	Năm <del>pháp</del> Năm	
105	161217127	ĐẶNG NGỌC TRUNG	K16XCD2	0			6			6				3	0.0	Khăng	
106	161217208	HỒ XUÂN CẨM	K16XCD2	4			6			7				HP	0.0	Khăng	
107	161217209	NGUYỄN TRẦN QUỐC ĐÔNG	K16XCD2	6			7			7				3.5	0.0	Khăng	
108	161217211	HÀ VĨNH NGHĨA	K16XCD2	8			9			7				4	5.8	Năm <del>pháp</del> Tám	
109	161217287	LÊ TUẤN ANH	K16XCD2	0			0			0				HP	0.0	Khăng	
110	161217313	ĐINH HỮU TÂM	K16XCD2	10			10			8				8	8.6	Tám <del>pháp</del> Sáu	
111	161217443	NGUYỄN THANH HÀ	K16XCD2	10			8			7				6.5	7.3	Bảy <del>pháp</del> Ba	
112	161217539	PHÙNG MINH CƯỜNG	K16XCD2	0			0			0				3	0.0	Khăng	
113	161217554	LÊ VĂN PHƯỚC	K16XCD2	8			8			7				HP	0.0	Khăng	
114	161217592	PHAN NGỌC DUY	K16XCD2	8			8			7				8	7.9	Bảy <del>pháp</del> Chèn	
115	161135966	TRƯƠNG VĂN QUÝ	K16XCD3	0			0			0				HP	0.0	Khăng	
116	161136687	BÙI SỸ HOÀNG	K16XCD3	6			7			8				3	0.0	Khăng	
117	161215082	LÝ HIỀN ANH	K16XCD3	10			8			6				7	7.5	Bảy <del>pháp</del> Năm	
118	161215089	NGUYỄN THANH CHÂU	K16XCD3	10			9			9				9	9.2	Chèn <del>pháp</del> Hai	
119	161215096	ĐỖ NGUYỄN THÀNH ĐẠT	K16XCD3	10			9			9				8.5	8.9	Tám <del>pháp</del> Chèn	
120	161215101	TRẦN ĐÌNH ĐIỆN	K16XCD3	10			7			7				4.5	6.1	Sáu <del>pháp</del> Mất	
121	161215102	PHẠM TRUNG ĐỨC	K16XCD3	10			10			8				9	9.2	Chèn <del>pháp</del> Hai	
122	161215109	TRẦN DÝ	K16XCD3	0			0			0				HP	0.0	Khăng	
123	161215112	HỒ THÁI HẢI	K16XCD3	0			0			0				4	2.2	Hai <del>pháp</del> Hai	
124	161215123	HỒ SỸ HOÀNG	K16XCD3	4			8			8				8.5	7.7	Bảy <del>pháp</del> Bảy	
125	161215125	TRẦN VŨ THANH HÙNG	K16XCD3	0			0			7				HP	0.0	Khăng	
126	161215127	TRẦN TIẾN HÙNG	K16XCD3	0			6			7				6	5.3	Năm <del>pháp</del> Ba	
127	161215129	NGUYỄN ĐĂNG HUY	K16XCD3	4			8			7				2	0.0	Khăng	
128	161215136	NGUYỄN ĐỨC KHÁNH	K16XCD3	2			6			0				3	0.0	Khăng	
129	161215140	HỒ TẤN LỘC	K16XCD3	8			6			8				6.5	6.9	Sáu <del>pháp</del> Chèn	
130	161215142	NGUYỄN VĂN LONG	K16XCD3	4			7			8				5	5.6	Năm <del>pháp</del> Sáu	
131	161215147	VÕ THÀNH NAM	K16XCD3	4			7			7				2	0.0	Khăng	
132	161215149	NGUYỄN VĂN NHÂN	K16XCD3	4			6			7				6	5.9	Năm <del>pháp</del> Chèn	
133	161215153	HOÀNG THỊ NHUNG	K16XCD3	10			9			8				7	7.9	Bảy <del>pháp</del> Chèn	
134	161215160	HOÀNG THỊ ANH PHƯƠNG	K16XCD3	8			10			9				9.5	9.3	Chèn <del>pháp</del> Ba	
135	161215172	TRẦN VĂN SỰ	K16XCD3	8			6			6				3	0.0	Khăng	
136	161215178	ĐINH THỊ HỒNG THẮNG	K16XCD3	6			8			7				6.5	6.7	Sáu <del>pháp</del> Bảy	
137	161215187	NGUYỄN TẤN THOẠI	K16XCD3	8			8			8				8	8.0	Tám	
138	161215188	TRẦN VĂN THƯỜNG	K16XCD3	0			0			0				5	2.8	Hai <del>pháp</del> Tám	
139	161215199	LÊ DUY TRUNG	K16XCD3	6			7			8				6.5	6.7	Sáu <del>pháp</del> Bảy	
140	161215208	MAI VĂN TUẤN	K16XCD3	2			9			7				6	6.0	Sáu	
141	161215212	NGUYỄN THANH TÙNG	K16XCD3	6			9			7				8.5	8.0	Tám	
142	161215216	BÙI THANH VIỆT	K16XCD3	8			6			5				8	7.3	Bảy <del>pháp</del> Ba	
143	161216460	NGUYỄN THANH CÔNG	K16XCD3	8			7			5				3	0.0	Khăng	
144	161216461	NGUYỄN CHƯÔNG ĐÀI	K16XCD3	0			0			0				HP	0.0	Khăng	
145	161216463	NGUYỄN ĐÌNH KHAN	K16XCD3	2			4			6				4	4.0	Bất	
146	161216561	NGUYỄN BÌNH DƯƠNG	K16XCD3	0			0			5				HP	0.0	Khăng	
147	161216563	NGUYỄN PHAN VĂN THÀNH	K16XCD3	0			6			8				3	0.0	Khăng	
148	161216672	NGUYỄN CÔNG TIẾN	K16XCD3	0			0			0				6	3.3	Ba <del>pháp</del> Ba	

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15				55	100		
149	161216789	ĐẶNG QUỐC DŨNG	K16XCD3	0			0		8			3	0.0	Khăng		
150	161216856	PHẠM QUANG BAN	K16XCD3	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
151	161216858	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	K16XCD3	10			9		8			9.5	9.3	Chèn phẩy Ba		
152	161217028	LƯU QUANG HUY	K16XCD3	8			8		8			9.5	8.8	Tám phẩy Tám		
153	161217031	VÕ XUÂN TRUNG	K16XCD3	4			6		7			4	4.8	Ba phẩy Tám		
154	161217032	TRỊNH HOÀN VŨ	K16XCD3	4			4		7			8	6.7	Sáu phẩy Bảy		
155	161217215	TRẦN HỮU TRÍ	K16XCD3	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
156	161217289	NGUYỄN VĂN QUÍ	K16XCD3	10			8		7			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
157	161217328	NGUYỄN VĂN PHÚ	K16XCD3	8			8		7			3	0.0	Khăng		
158	161217382	NGUYỄN THANH HẢI	K16XCD3	6			5		6			6	5.9	Năm phẩy Chín		
159	161217383	PHAN VĂN NGỌC	K16XCD3	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
160	161217487	TRẦN CẢNH TRƯỜNG	K16XCD3	10			7		8			4	6.0	Sáu		
161	161217508	PHẠM ANH TUẤN	K16XCD3	4			8		8			8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
162	161217540	NGUYỄN NGUYỄN THUẬN	K16XCD3	4			6		8			HP	0.0	Khăng		
163	161217595	NGUYỄN NGỌC QUANG	K16XCD3	8			6		5			4.5	5.3	Năm phẩy Ba		
164	161217626	NGÔ TẮT THỌ	K16XCD3	10			9		9			6	7.5	Bảy phẩy Năm		
165	161217644	ĐOÀN THANH DŨNG	K16XCD3	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
166	161327399	TRƯƠNG QUANG THUẬN	K16XCD3	8			6		0			5.5	5.1	Năm phẩy Một		
167	161446058	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	K16XCD3	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
168	161446169	ĐẬU QUỐC NAM	K16XCD3	4			8		7			9	7.8	Bảy phẩy Tám		
1	8085	NGUYỄN VĂN QUANG	K13XCD	5			6		6			8.5	7.2	Bảy phẩy Hai		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	101	60%	
2	Số sinh viên nợ	68	40%	
TỔNG CỘNG :		169	100%	

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 04 năm 2011

LẬP BẢNG

KIỂM TRA  
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA  
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO  
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú